

BẢNG MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT ƯU VIỆT CHƯƠNG TRÌNH HƯU TRÍ

Bạn có thể chủ động thiết lập kế hoạch linh hoạt cho gia đoạn hưu trí của bạn trong tương lai với sự kết hợp hiệu quả giữa tiết kiệm và bảo vệ.

Tiết kiệm hiệu quả

- ✓ Thường duy trì hợp đồng vào ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10, 15 và 20.
- ✓ Hưởng lãi từ kết quả đầu tư theo mức lãi suất tích lũy được AIA Việt Nam công bố hàng tháng và không thấp hơn mức lãi suất cam kết.

Bảo vệ tài chính trọn đời và toàn diện

- ✓ Bảo vệ trước những rủi ro không lường trước được trong cuộc sống như: Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn, Ung thư, tử vong.
- ✓ Tặng số tiền bảo hiểm vào các thời điểm bước ngoặt cuộc đời (kết hôn, sinh con) mà không cần bằng chứng sức khỏe, tài chính.
- ✓ Lựa chọn tham gia các quyền lợi bảo hiểm bổ sung để bảo vệ toàn diện trước các rủi ro bệnh hiểm nghèo, chăm sóc sức khỏe, thương tật do tai nạn.

Linh hoạt đáp ứng nhu cầu

- ✓ Linh hoạt đầu tư thêm hoặc rút tiền từ giá trị tài khoản để thực hiện nhu cầu cần thiết của bạn trong gia đoạn hưu trí.

THÔNG TIN CƠ BẢN

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và đầu tư tài chính theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 16GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 14 tháng 7 năm 2008; Vốn điều lệ: 3.224,420 tỷ đồng; Địa chỉ trụ sở chính tại Tầng 15, Tòa nhà Saigon Centre tháp 2, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (84-28) 3830 3333; Trung tâm dịch vụ khách hàng, điện thoại: (84-28) 3812 2777.

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

| | Họ và tên | Giới tính | Tuổi | Nghề nghiệp |
|------------------|-----------|-----------|------|-------------|
| Bên mua bảo hiểm | Mr. A | Nam | 40 | Văn Phòng |

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị: đồng

| Sản phẩm | Người được bảo hiểm (NDBH) | Tuổi | Giới tính | Nghề nghiệp | Thời hạn bảo hiểm (năm) | Thời hạn đóng phí (năm) | Số tiền bảo hiểm (STBH) | Phí bảo hiểm hàng năm |
|---|----------------------------|----------|--------------|--------------------|-------------------------|-------------------------|--------------------------------|-------------------------|
| Sản phẩm chính Bảo hiểm liên kết chung quyền lợi ưu việt - Quyền lợi bảo hiểm cơ bản | Mr. A | 40 | Male | Officer | 60 | 60 | 1.800.000.000 | 60.000.000 |
| Sản phẩm bổ sung (*) Bảo hiểm tử vong và thương tật do tai nạn Bảo hiểm toàn diện bệnh hiểm nghèo | Mr. A Mr. A | 40 40 | Male Male | Officer Officer | 25 35 | 25 35 | 1.800.000.000 1.800.000.000 | 6.066.000 28.350.000 |
| Tổng phí sản phẩm bổ sung | | | | | | | | 34.416.000 |

| Định kỳ đóng phí | Năm | Nửa năm | Quý | Tháng |
|-----------------------------------|-------------------|---------|-----|-------|
| Phí bảo hiểm cơ bản | 60.000.000 | - | - | - |
| Phí bảo hiểm các sản phẩm bổ sung | 34.416.000 | - | - | - |
| Tổng phí bảo hiểm định kỳ | 94.416.000 | - | - | - |
| Phí tích lũy dự kiến | - | - | - | - |

Lưu ý: Phí tích lũy dự kiến cho năm đầu. Phí tích lũy cho những năm sau sẽ được minh họa ở trang minh họa của sản phẩm chính.

Trong 4 năm hợp đồng đầu tiên, Phí bảo hiểm cơ bản đã chọn là mức phí tối thiểu của sản phẩm bảo hiểm chính và phải được đóng đầy đủ.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 2 | 20

Dãy số kiểm tra

(*) Thời hạn đóng phí và thời hạn bảo hiểm của sản phẩm bổ sung sẽ phụ thuộc vào điều khoản về tái tục.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Đại lý bảo hiểm:

Trang 3 | 20

Mã số đại lý:

Dãy số kiểm tra

Ngày giờ lập:

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠM THỜI

TRANG THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Nếu NĐBH tử vong do tai nạn trong thời gian bảo hiểm tạm thời, khách hàng sẽ nhận 100.000.000 đồng hoặc tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm (HSYCBH) của cùng một NĐBH, tùy số nào nhỏ hơn. Trong trường hợp tổng phí bảo hiểm đầu tiên đã đóng (tổng phí bảo hiểm tạm tính tại thời điểm nộp HSYCBH) của tất cả các hồ sơ yêu cầu bảo hiểm của cùng NĐBH lớn hơn 100.000.000 đồng thì chúng tôi sẽ hoàn lại tổng phí bảo hiểm đầu tiên đã đóng, không có lãi, sau khi đã trừ các chi phí kiểm tra y tế, nếu có.

Thời hạn bảo hiểm tạm thời bắt đầu từ khi BMBH hoàn tất HSYCBH và đóng đủ khoản phí đầu tiên và kết thúc vào ngày Công ty cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc từ chối chấp nhận bảo hiểm hoặc BMBH yêu cầu hủy bỏ HSYCBH, tùy ngày nào đến trước.

Trong trường hợp bảo hiểm tạm thời được chấp thuận chi trả, chúng tôi sẽ không có nghĩa vụ hoàn lại phí bảo hiểm đầu tiên đã đóng.

Bảo hiểm tạm thời sẽ không được chi trả trong trường hợp NĐBH tự tử, dù trong trạng thái tinh táo hay mất trí. Trong trường hợp này chúng tôi sẽ hoàn lại tổng phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi, sau khi trừ đi chi phí kiểm tra y tế, nếu có.

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CHÍNH

1. Quyền lợi NĐBH tử vong (quyền lợi được bảo đảm)

Nếu NĐBH tử vong, khách hàng sẽ nhận được số tiền lớn hơn giữa:

- ✓ Giá trị tài khoản của hợp đồng được tính tại thời điểm tử vong; hoặc
- ✓ Số tiền bảo hiểm (STBH) hiện tại được tính tại thời điểm tử vong.

Trừ đi quyền lợi bảo hiểm ung thư đã được chi trả trước đó (nếu có).

2. Quyền lợi khi NĐBH tử vong do tai nạn (quyền lợi được bảo đảm)

Ngoài quyền lợi khi NĐBH tử vong, khách hàng sẽ nhận được thêm 100% STBH hiện tại nếu NĐBH tử vong do tai nạn trước khi tròn 65 tuổi và Phí bảo hiểm cơ bản đến hạn đã được đóng đầy đủ và đúng hạn. Quyền lợi này sẽ được áp dụng cho những sự kiện tử vong do tai nạn xảy ra trong khoảng thời gian từ Ngày đến hạn đóng phí của kỳ phí bảo hiểm đã được đóng gần nhất cho đến ngày đến hạn đóng phí của kỳ phí kế tiếp. Tổng quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn của tất cả các HĐBH với chúng tôi mà một Người được bảo hiểm được hưởng bao gồm cả Quyền lợi được hưởng thêm này không vượt quá hạn mức 8 tỷ đồng. Hạn mức

này có thể được điều chỉnh tăng và được áp dụng tại thời điểm chi trả Quyền lợi bảo hiểm.

3. Quyền lợi đối với NĐBH không hút thuốc lá (quyền lợi được bảo đảm)

Ngoài quyền lợi khi NĐBH tử vong, khách hàng sẽ được nhận thêm 10% STBH hiện tại nếu vào thời điểm tử vong NĐBH từ 15 (mười lăm) tuổi trở lên và được xác định không hút thuốc lá.

4. Quyền lợi khi NĐBH bị Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTB&VV) (quyền lợi được bảo đảm)

Nếu NĐBH bị TTTB&VV trước khi tròn 70 tuổi, khách hàng sẽ nhận được số tiền lớn hơn giữa:

- ✓ Giá trị tài khoản của hợp đồng được tính tại thời điểm TTTB&VV; hoặc
- ✓ Số tiền bảo hiểm (STBH) hiện tại được tính tại thời điểm TTTB&VV. Trừ đi quyền lợi bảo hiểm Ung thư đã được chi trả trước đó (nếu có).

5. Quyền lợi khi NĐBH mắc bệnh Ung thư (quyền lợi được bảo đảm)

Khách hàng sẽ nhận trước 25% Số tiền bảo hiểm hiện tại của quyền lợi bảo hiểm tử vong nếu NĐBH mắc bệnh Ung thư trước khi tròn 65 tuổi. Tổng quyền lợi bảo hiểm bệnh hiểm nghèo của tất cả các HĐBH với chúng tôi mà một NĐBH được hưởng bao gồm cả quyền lợi bảo hiểm bệnh ung thư này không vượt quá hạn mức 4 tỷ đồng. Hạn mức này có thể được điều chỉnh tăng và được áp dụng tại thời điểm chi trả Quyền lợi bảo hiểm.

6. Quyền lợi đầu tư

- ✓ Quyền lợi đầu tư bảo đảm: Chúng tôi cam kết mức lãi suất tối thiểu tích lũy vào tài khoản của khách hàng như sau:

| Năm hợp đồng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9+ |
|----------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Lãi suất cam kết tối thiểu | 5,0% | 5,0% | 4,5% | 4,5% | 4,0% | 3,5% | 3,0% | 2,5% | 2,0% |

- ✓ Quyền lợi đầu tư không bảo đảm: Tùy theo kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy của khách hàng có thể thay đổi tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 4 | 20

Dãy số kiểm tra

Mức lãi suất tích lũy sẽ được chúng tôi công bố hàng quý trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn.

7. Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng (quyền lợi được bảo đảm)

Vào ngày kỷ niệm hợp đồng lần thứ mười, một khoản Thưởng duy trì hợp đồng tương đương với 100% Tổng số tiền tính thưởng sẽ được phân bổ vào GTTK cơ bản. Tương tự, vào các ngày kỷ niệm hợp đồng lần thứ 15 và 20, khoản Thưởng duy trì hợp đồng sẽ tương đương với 10% Tổng số tiền tính thưởng. Để được hưởng quyền lợi này, khách hàng phải đóng đủ Phí bảo hiểm cơ bản vào mỗi ngày đến hạn đóng phí trong những năm hợp đồng trước đó.

Tổng số tiền tính thưởng là tổng khoản lãi cộng dồn được tính tại ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 6 đến ngày kỷ niệm thứ 10 trong đó khoản lãi của mỗi năm hợp đồng này sẽ được tính bằng 50% khoản lãi được tích lũy vào GTTK cơ bản trong vòng 5 năm trước đó.

8. Quyền lợi đáo hạn (quyền lợi được bảo đảm)

Khách hàng sẽ nhận được toàn bộ GTTK của hợp đồng tính tại thời điểm đáo hạn nếu HĐBH còn hiệu lực và NĐBH còn sống vào thời điểm đáo hạn.

Lưu ý: Trường hợp NĐBH tử vong hoặc TTTB&VV dưới 4 (bốn) tuổi, STBH hiện tại sẽ sử dụng để chi trả được điều chỉnh như sau:

| Tuổi của Người được bảo hiểm vào thời điểm tử vong hoặc bị TTTB&VV | Số tiền bảo hiểm hiện tại được điều chỉnh |
|--|---|
| Dưới 1 tuổi | 20% Số tiền bảo hiểm hiện tại |
| Từ 1 tuổi đến dưới 2 tuổi | 40% Số tiền bảo hiểm hiện tại |
| Từ 2 tuổi đến dưới 3 tuổi | 60% Số tiền bảo hiểm hiện tại |
| Từ 3 tuổi đến dưới 4 tuổi | 80% Số tiền bảo hiểm hiện tại |

9. Quyền chuyển đổi từ Quyền lợi bảo hiểm cơ bản sang Quyền lợi bảo hiểm nâng cao

Khách hàng có thể yêu cầu chuyển đổi từ Quyền lợi bảo hiểm cơ bản sang Quyền lợi bảo hiểm nâng cao:

- ✓ Kể từ ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 (hai) và trong thời gian HĐBH còn hiệu lực; và

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 5 | 20

Dãy số kiểm tra

TRANG THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Từ 35 (ba mươi lăm) tuổi, với điều kiện tuổi của NĐBH vào ngày có hiệu lực của hợp đồng là dưới 18 (mười tám) tuổi.

- ✓ Tối đa 1 (một) lần trong suốt thời hạn hợp đồng.

QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

1. Quyền thay đổi STBH

Khách hàng có thể yêu cầu tăng hoặc giảm STBH kể từ ngày kỷ niệm HĐ thứ 2 trở đi và trước khi tròn 65 tuổi nếu đáp ứng các điều kiện thẩm định và quy định của Công ty tại từng thời điểm.

2. Quyền đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm cho các sự kiện quan trọng (kết hôn, sinh con)

Kể từ ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 và trước khi NĐBH tròn 65 tuổi khách hàng có thể yêu cầu tăng 25% STBH hiện tại cho mỗi sự kiện kết hôn hoặc sinh con mà không cần bằng chứng về sức khỏe và tài chính. Quyền lợi này áp dụng cho hợp đồng được phát hành ở điều kiện chuẩn, tối đa 2 sự kiện trong suốt thời hạn hợp đồng và yêu cầu được gửi đến cho chúng tôi trong vòng 90 ngày kể từ ngày NĐBH kết hôn hoặc sinh con.

3. Quyền rút tiền từ Giá trị tài khoản

Khách hàng có thể yêu cầu rút tiền tối đa đến 80% từ GTTK cơ bản của hợp đồng kể từ ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi.

CÁC LOẠI CHI PHÍ

1. **Chi phí bảo hiểm rủi ro:** là chi phí để chúng tôi thực hiện cam kết đối với các quyền lợi bảo hiểm rủi ro. Phụ thuộc vào tuổi và giới tính của NĐBH, STBH và lựa chọn Quyền lợi bảo hiểm.

2. **Chi phí ban đầu:** là chi phí sẽ khấu trừ từ phí bảo hiểm cơ bản và phí tích lũy trước khi phân bổ vào Quỹ liên kết chung. Mức chi phí này thay đổi theo năm đóng phí

| Năm đóng phí | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
|---------------------|-----|-----|-----|-----|------|
| Phí bảo hiểm cơ bản | 90% | 80% | 30% | 20% | 1,5% |
| Phí tích lũy | 0% | 0% | 0% | 0% | 0% |

TRANG THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

- Chi phí quản lý hợp đồng:** 25.000 đồng/tháng (300.000 đồng/năm).
Mức chi phí này có thể thay đổi, tối đa là 60.000 đồng/tháng.
- Chi phí quản lý quỹ:** tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung. Chi phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi chúng tôi công bố lãi suất tích lũy.
- Chi phí hủy bỏ hợp đồng:** Không có.
- Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản:** Không có.

Các loại chi phí nêu trên có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 6 | 20

Dãy số kiểm tra

TRANG THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM BỔ SUNG

nêu khách hàng có yêu cầu tham gia cùng với sản phẩm chính, có đóng phí sản phẩm bổ sung và được chúng tôi chấp thuận bảo hiểm đối với các sản phẩm bổ sung. Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung sẽ không phân bổ vào Giá trị tài khoản hợp đồng.

1. Bảo hiểm Toàn diện bệnh hiểm nghèo

- Quyền lợi bệnh hiểm nghèo: tùy theo chẩn đoán mức độ mắc bệnh hiểm nghèo, quyền lợi bảo hiểm được chi trả như sau:

- Mức độ 1: 30% số tiền bảo hiểm (STBH) của sản phẩm bổ sung này;
- Mức độ 2: 60% STBH của sản phẩm bổ sung này và miễn phí bảo hiểm sản phẩm này kể từ ngày mắc bệnh hiểm nghèo cho đến hết thời hạn hợp đồng của sản phẩm bổ sung này;
- Mức độ 3: 100% STBH của sản phẩm bổ sung này.

Khách hàng có thể yêu cầu thanh toán quyền lợi bảo hiểm nhiều lần nhưng mỗi bệnh hiểm nghèo chỉ được chi trả một lần và tổng số tiền chi trả cho tất cả các bệnh hiểm nghèo không vượt quá 100% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm này. Bên cạnh đó, quyền lợi bảo hiểm bệnh hiểm nghèo theo từng mức độ nêu trên sẽ được chi trả không vượt quá hạn mức tối đa quy định trong Quy tắc, điều khoản của sản phẩm bổ sung này.

- Quyền lợi bảo hiểm vĩnh mạp tiêu đường: 20% STBH của sản phẩm bổ sung này.
- Thưởng khi không có yêu cầu giải quyết QL BH: Bắt đầu vào ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5 của sản phẩm này và vào (các) ngày kỷ niệm hợp đồng mỗi 5 năm sau đó, khách hàng nhận được 20% tổng phí bảo hiểm đã đóng của sản phẩm này trong 5 năm liền kề trước đó nếu không có bất cứ yêu cầu giải quyết lợi nào được chi trả trong giai đoạn 5 năm này.

2. Bảo hiểm Miễn thu phí bệnh hiểm nghèo

Nếu Người được bảo hiểm mắc bệnh hiểm nghèo, tùy theo mức độ chẩn đoán mắc bệnh hiểm nghèo, khách hàng được miễn phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính và các sản phẩm bảo hiểm bổ sung khác đang còn hiệu lực (nếu có), không bao gồm phí tích lũy của dòng sản phẩm liên kết đầu tư, cụ thể như sau:

- Mức độ 1: miễn phí bảo hiểm 60 tháng kể từ ngày đến hạn đóng phí ngay sau ngày được chẩn đoán mắc bệnh nhưng không vượt quá thời hạn bảo hiểm của sản phẩm này và thời hạn bảo hiểm của sản phẩm chính.
- Mức độ 2 hoặc mức độ 3: miễn phí kể từ ngày đến hạn đóng phí ngay sau ngày được chẩn đoán mắc bệnh cho đến hết thời hạn bảo hiểm của sản phẩm này và không vượt quá thời hạn bảo hiểm của sản phẩm chính.

3. Bảo hiểm Tử vong do tai nạn

Quyền lợi tử vong do tai nạn: 100% STBH của sản phẩm bổ sung này.

4. Bảo hiểm Tử vong và thương tật do tai nạn

- Tàn tật hoặc bỏng do tai nạn: % STBH của sản phẩm bổ sung này, tùy theo tỷ lệ thương tật.
- Tử vong do tai nạn: 100% STBH của sản phẩm bổ sung này.
- Tàn tật toàn bộ tạm thời do tai nạn: % STBH của sản phẩm bổ sung này, tùy theo tỷ lệ thương tật.
- Tử vong do tai nạn trong các trường hợp đặc biệt: Bên cạnh quyền lợi tử vong do tai nạn, khách hàng sẽ nhận thêm 100% STBH của sản phẩm bổ sung này.

5. Bảo hiểm Bồi hoàn chi phí nằm viện do tai nạn

- Tử vong do tai nạn: 100% STBH của sản phẩm bổ sung này.
- Gãy xương do tai nạn: % STBH của sản phẩm bổ sung này, tùy theo mức độ gãy xương.
- Bồi hoàn chi phí điều trị do tai nạn: hỗ trợ chi phí y tế hợp lý, thông thường phát sinh khi nằm viện nội trú để điều trị thương tật do tai

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 7 | 20

Dãy số kiểm tra

nạn trong vòng 52 tuần kể từ ngày xảy ra tai nạn cho quyền lợi bảo hiểm mức khỏe tổng quát.

nằm viện của một thương tật và tổng số tiền chi trả tối đa cho quyền lợi này trong suốt thời gian tham gia không vượt quá 100% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm bổ sung này. Các chi phí điều trị phải là các chi phí không được bồi thường theo các chương trình/quy định của chính phủ; hoặc không được bảo hiểm bởi các hợp đồng bảo hiểm khác hoặc không được bồi hoàn/bồi thường theo các quy định, chương trình hay các hợp đồng bảo hiểm đó.

Tổng quyền lợi bảo hiểm có thể chi trả cho một hay nhiều tai nạn gây ra một hay nhiều thương tật không vượt quá 100% STBH của sản phẩm bổ sung này. Việc chi trả chỉ áp dụng một lần cho mỗi thương tật và một khu vực xương bị gãy.

6. Bảo hiểm Bồi hoàn chi phí nằm viện và phẫu thuật

- Hỗ trợ chi phí nằm viện không phải tại khoa săn sóc đặc biệt: 100% STBH/ngày nằm viện. Tối đa 100 ngày/năm.
- Hỗ trợ chi phí nằm viện tại khoa săn sóc đặc biệt: 300% STBH/ngày của sản phẩm bổ sung này. Tối đa 30 ngày/năm.
- Hỗ trợ chi phí phẫu thuật: chi trả chi phí phòng mổ, tiền công ca mổ, chi phí gây mê, gây mê với chi trả tối đa lên đến 20 lần STBH của sản phẩm bổ sung này, tùy theo loại phẫu thuật.
- Hỗ trợ chi phí trước và sau khi nằm viện khi đáp ứng một số điều kiện nhất định: hỗ trợ tiền thuốc, chi phí khám, vật lý trị liệu, tư vấn và xét nghiệm, chi phí chăm sóc y tế tại nhà với tối đa lên đến 200% STBH của sản phẩm bổ sung này.

Tổng số tiền tối đa chi trả cho tất cả quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm bổ sung này trong suốt thời hạn hợp đồng là 1.000 lần STBH của sản phẩm bổ sung này.

7. Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe

- Quyền lợi điều trị nội trú
- Quyền lợi điều trị ngoại trú
- Quyền lợi chăm sóc nha khoa

8. Bảo hiểm Hỗ trợ chi phí nằm viện

- Hỗ trợ chi phí nằm viện: khách hàng được hỗ trợ chi phí cho mỗi ngày nằm viện là:
 - 100% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm bổ sung này nếu:
 - nằm viện ở bệnh viện tuyến trung ương, tuyến tỉnh; hoặc
 - nằm ở bệnh viện tuyến huyện nơi có đăng ký Bảo hiểm y tế (BHYT); hoặc
 - nằm ở bệnh viện tuyến huyện để điều trị tai nạn.
 - 50% STBH nếu NĐBH nằm viện ở bệnh viện tuyến huyện nơi không có đăng ký Bảo hiểm y tế (BHYT) hoặc không điều trị thương tích do tai nạn.

Tổng quyền lợi bảo hiểm được chi trả cho 02 trường hợp nêu trên sẽ không vượt quá 365 ngày cho mỗi lần nằm viện và cùng một lần nằm viện.

- Trợ cấp khi nằm tại khoa săn sóc đặc biệt: 200% STBH/ngày nằm viện tại khoa săn sóc đặc biệt của Bệnh viện đủ tiêu chuẩn tuyến trung ương, tuyến tỉnh hoặc tại bệnh viện nơi có đăng ký khám chữa bệnh bằng BHYT. Tối đa là 25 ngày cho mỗi lần nằm viện và cùng một lần nằm viện.

Tổng quyền lợi bảo hiểm có thể chi trả cho sản phẩm bổ sung này tối đa 1.000 ngày nằm viện.

9. Bảo hiểm Miễn thu phí đặc biệt

Khi NĐBH của sản phẩm này tử vong hoặc bị TTTB&VV, khách hàng sẽ được:

- ✓ Khách hàng sẽ được miễn phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính và các sản phẩm bảo hiểm bổ sung khác đang còn hiệu lực tham gia cùng với HĐBH này, không bao gồm phí tích lũy của dòng sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư; và
- ✓ Nhận ngay quyền lợi hỗ trợ tài chính là 200% STBH của sản phẩm bổ sung này nếu quyền lợi miễn thu phí được chấp thuận giải quyết.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Lưu ý:

TRANG THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

- Tổng quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn của tất cả các hợp đồng bảo hiểm với chúng tôi mà một NĐBH được hưởng, không vượt quá hạn mức 8 tỷ đồng. Hạn mức này có thể được điều chỉnh tăng và được áp dụng tại thời điểm chi trả quyền lợi bảo hiểm.*
- Nội dung về các sản phẩm bổ sung trên đây chỉ mang tính giới thiệu tóm lược. Mọi quy định, điều kiện và quyền lợi bảo hiểm bổ sung sẽ được thực hiện theo Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm bổ sung.*

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Đại lý bảo hiểm:

Trang 9 | 20

Mã số đại lý:

Dãy số kiểm tra

Ngày giờ lập:

BẢNG MINH HỌA CÁC LOẠI CHI PHÍ

Đơn vị: ngàn đồng

| Năm HĐ | Tuổi NDBH | Phí bảo hiểm dự tính | BẢO HIỂM Phí bảo hiểm cơ bản | LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT QUYỀN LỢI | | | Chi phí ban đầu | Chi phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất cam kết | Chi phí quản lý hợp đồng |
|-----------|--------------|-------------------------|------------------------------------|--|--------------|---|-----------------|---|--------------------------------|
| | | | | Tổng phí sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm | Phí tích lũy | QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN được phân bổ | | | |
| 1 | 40 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 6.000 | 54.000 | 6.055 | 300 |
| 2 | 41 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 12.000 | 48.000 | 6.322 | 300 |
| 3 | 42 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 42.000 | 18.000 | 6.545 | 300 |
| 4 | 43 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 48.000 | 12.000 | 6.775 | 300 |
| 5 | 44 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 59.100 | 900 | 7.063 | 300 |
| 6 | 45 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 59.100 | 900 | 7.279 | 300 |
| 7 | 46 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 59.100 | 900 | 7.518 | 300 |
| 8 | 47 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 59.100 | 900 | 8.029 | 300 |
| 9 | 48 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 59.100 | 900 | 8.479 | 300 |
| 10 | 49 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 59.100 | 900 | 8.799 | 300 |
| 11 | 50 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 59.100 | 900 | 9.110 | 300 |
| 12 | 51 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 59.100 | 900 | 9.539 | 300 |
| 13 | 52 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 59.100 | 900 | 10.376 | 300 |
| 14 | 53 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 59.100 | 900 | 10.880 | 300 |
| 15 | 54 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 59.100 | 900 | 11.223 | 300 |
| 16 | 55 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 59.100 | 900 | 12.000 | 300 |
| 17 | 56 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 59.100 | 900 | 12.120 | 300 |
| 18 | 57 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 59.100 | 900 | 12.419 | 300 |
| 19 | 58 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 59.100 | 900 | 12.277 | 300 |
| 20 | 59 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 59.100 | 900 | 11.579 | 300 |
| 21 | 60 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 59.100 | 900 | 11.063 | 300 |
| 22 | 61 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 59.100 | 900 | 10.202 | 300 |
| 23 | 62 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 59.100 | 900 | 9.189 | 300 |
| 24 | 63 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 59.100 | 900 | 8.232 | 300 |

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 10 | 20

Dãy số kiểm tra

BẢNG MINH HỌA CÁC LOẠI CHI PHÍ

Đơn vị: ngàn đồng

| Năm HĐ | Tuổi NDBH | Phí bảo hiểm dự tính | BẢO HIỂM Phí bảo hiểm cơ bản | LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT | | QUYỀN LỢI Chi phí ban đầu | Chi phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất cam kết | Chi phí quản lý hợp đồng | |
|-----------|--------------|-------------------------|------------------------------------|--|------------------------------|------------------------------|---|--------------------------------|-----|
| | | | | Tổng phí sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm | Phí tích lũy được phân bổ | | | | |
| 25 | 64 | 60.000 | 60.000 | 34.416 | | 59.100 | 900 | 6.830 | 300 |
| 26 | 65 | 60.000 | 60.000 | 28.350 | | 59.100 | 900 | 5.116 | 300 |
| 27 | 66 | 60.000 | 60.000 | 28.350 | | 59.100 | 900 | 2.662 | 300 |
| 28 | 67 | 60.000 | 60.000 | 28.350 | | 59.100 | 900 | 5 | 300 |
| 29 | 68 | 60.000 | 60.000 | 28.350 | | 59.100 | 900 | | 300 |
| 30 | 69 | 60.000 | 60.000 | 28.350 | | 59.100 | 900 | | 300 |
| 31 | 70 | 60.000 | 60.000 | 28.350 | | 59.100 | 900 | | 300 |
| 32 | 71 | 60.000 | 60.000 | 28.350 | | 59.100 | 900 | | 300 |
| 33 | 72 | 60.000 | 60.000 | 28.350 | | 59.100 | 900 | | 300 |
| 34 | 73 | 60.000 | 60.000 | 28.350 | | 59.100 | 900 | | 300 |
| 35 | 74 | 60.000 | 60.000 | 28.350 | | 59.100 | 900 | | 300 |
| 36 | 75 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | | 300 |
| 37 | 76 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | | 300 |
| 38 | 77 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | | 300 |
| 39 | 78 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | | 300 |
| 40 | 79 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | | 300 |
| 41 | 80 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | | 300 |
| 42 | 81 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | | 300 |
| 43 | 82 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | | 300 |
| 44 | 83 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | | 300 |
| 45 | 84 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | | 300 |
| 46 | 85 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | | 300 |
| 47 | 86 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | | 300 |
| 48 | 87 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | | 300 |
| 49 | 88 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | | 300 |

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 11 | 20

Dãy số kiểm tra

BẢNG MINH HỌA CÁC LOẠI CHI PHÍ

Đơn vị: ngàn đồng

| Năm HĐ | Tuổi NDBH | Phí bảo hiểm dự tính | BẢO HIỂM Phí bảo hiểm cơ bản | LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT | | QUYỀN LỢI Chi phí ban đầu | Chi phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất cam kết | Chi phí quản lý hợp đồng |
|-----------|--------------|-------------------------|------------------------------------|--|--------------|------------------------------|---|--------------------------------|
| | | | | Tổng phí sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm | Phí tích lũy | | | |
| 50 | 89 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | 300 |
| 51 | 90 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | 300 |
| 52 | 91 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | 300 |
| 53 | 92 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | 300 |
| 54 | 93 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | 300 |
| 55 | 94 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | 300 |
| 56 | 95 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | 300 |
| 57 | 96 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | 300 |
| 58 | 97 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | 300 |
| 59 | 98 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | 300 |
| 60 | 99 | 60.000 | 60.000 | | | 59.100 | 900 | 300 |

Lưu ý:

- Chi phí bảo hiểm rủi ro được thể hiện trong bảng minh họa này dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe hoặc do tính chất nghề nghiệp. Chi phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty.
- Tham gia Hợp đồng Bảo hiểm liên kết chung quyền lợi ưu việt là một cam kết dài hạn. Quý khách không nên duy trì Hợp đồng chỉ trong thời gian ngắn hạn vì các khoản chi phí ban đầu rất cao.
- Quý khách cần phải đánh giá tất cả các quyền lợi theo hợp đồng của mình, hiểu rõ cách phân bổ phí bảo hiểm, các khoản khấu trừ hàng tháng và ảnh hưởng của các khoản phí này đối với quyền lợi của mình.
- Sản phẩm bổ sung nhằm gia tăng các quyền lợi bảo vệ. Phí của sản phẩm bổ sung sẽ không ảnh hưởng đến việc tính toán Giá trị tài khoản.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 12 | 20

Dãy số kiểm tra

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI UUV VIỆT QUYỀN LỢI
QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN

Đơn vị: ngàn đồng

| Năm HĐ | Tuổi NDBH | Phí bảo hiểm dự tính | Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo | | | Quyền lợi đầu tư đảm bảo | | Quyền lợi đầu tư không đảm bảo | | | |
|-----------|--------------|----------------------------|---|---|---|----------------------------------|----------------------------|-----------------------------------|----------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| | | | TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong | Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi | Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi | GTTK tại mức lãi suất cam kết | | GTTK tại mức lãi suất 5%/năm | | GTTK tại mức lãi suất 7%/năm | |
| | | | | | | Thưởng duy trì hợp đồng | GTTK tại cuối năm HĐ | Thưởng duy trì hợp đồng | GTTK tại cuối năm HĐ | Thưởng duy trì hợp đồng | GTTK tại cuối năm HĐ |
| 1 | 40 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | | | | | | |
| 2 | 41 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | | 5.563 | | 5.563 | | 5.785 |
| 3 | 42 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | | 42.693 | | 42.913 | | 44.031 |
| 4 | 43 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | | 87.528 | | 88.195 | | 91.143 |
| 5 | 44 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | | 144.971 | | 147.105 | | 153.145 |
| 6 | 45 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | | 203.492 | | 208.749 | | 219.294 |
| 7 | 46 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | | 262.525 | | 273.252 | | 289.877 |
| 8 | 47 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | | 321.225 | | 340.498 | | 364.959 |
| 9 | 48 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | | 379.058 | | 410.716 | | 444.967 |
| 10 | 49 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | 76.196 | 513.920 | 130.868 | 615.085 | 190.989 | 721.422 |
| 11 | 50 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | | 574.969 | | 699.082 | | 827.149 |
| 12 | 51 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | | 636.805 | | 787.130 | | 940.416 |
| 13 | 52 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | | 699.031 | | 879.160 | | 1.061.626 |
| 14 | 53 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | | 761.993 | | 975.790 | | 1.191.838 |
| 15 | 54 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | 7.620 | 833.487 | 13.087 | 1.090.611 | 19.099 | 1.351.177 |
| 16 | 55 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | | 898.006 | | 1.198.331 | | 1.503.898 |
| 17 | 56 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | | 963.694 | | 1.312.320 | | 1.669.257 |
| 18 | 57 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | | 1.030.393 | | 1.433.075 | | 1.848.608 |
| 19 | 58 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | | 1.098.570 | | 1.561.537 | | 2.040.936 |
| 20 | 59 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | 7.620 | 1.176.434 | 13.087 | 1.711.754 | 19.099 | 2.265.826 |

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
 Đại lý bảo hiểm:
 Mã số đại lý:
 Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 13 | 20
 Dãy số kiểm tra

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI UUV VIỆT QUYỀN LỢI

| Năm HD | Tuổi NDBH | Phí bảo hiểm dự tính | Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo | | | Quyền lợi đầu tư đảm bảo | | Quyền lợi đầu tư không đảm bảo | | | |
|-----------|--------------|----------------------------|---|---|---|----------------------------------|----------------------------|-----------------------------------|----------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| | | | TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong | Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi | Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi | GTTK tại mức lãi suất cam kết | | GTTK tại mức lãi suất 5%/năm | | GTTK tại mức lãi suất 7%/năm | |
| | | | | | | Thưởng duy trì hợp đồng | GTTK tại cuối năm HD | Thưởng duy trì hợp đồng | GTTK tại cuối năm HD | Thưởng duy trì hợp đồng | GTTK tại cuối năm HD |
| 21 | 60 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | | 1.248.759 | | 1.858.961 | | 2.487.360 |
| 22 | 61 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | | 1.323.400 | | 2.013.656 | | 2.724.400 |
| 23 | 62 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | | 1.400.558 | | 2.176.086 | | 2.978.034 |
| 24 | 63 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | | 1.480.226 | | 2.346.637 | | 3.249.422 |
| 25 | 64 | 60.000 | 1.800.000 | 3.600.000 | 450.000 | | 1.562.905 | | 2.525.716 | | 3.539.808 |
| 26 | 65 | 60.000 | 1.800.000 | 1.800.000 | | | 1.648.969 | | 2.713.748 | | 3.850.520 |
| 27 | 66 | 60.000 | 1.800.000 | 1.800.000 | | | 1.739.235 | | 2.911.183 | | 4.182.982 |
| 28 | 67 | 60.000 | 1.833.993 | 1.833.993 | | | 1.833.993 | | 3.118.489 | | 4.538.717 |
| 29 | 68 | 60.000 | 1.930.652 | 1.930.652 | | | 1.930.652 | | 3.336.160 | | 4.919.352 |
| 30 | 69 | 60.000 | 2.029.244 | 2.029.244 | | | 2.029.244 | | 3.564.715 | | 5.326.633 |
| 31 | 70 | 60.000 | 2.129.807 | 2.129.807 | | | 2.129.807 | | 3.804.698 | | 5.762.423 |
| 32 | 71 | 60.000 | 2.232.382 | 2.232.382 | | | 2.232.382 | | 4.056.679 | | 6.228.718 |
| 33 | 72 | 60.000 | 2.337.009 | 2.337.009 | | | 2.337.009 | | 4.321.260 | | 6.727.654 |
| 34 | 73 | 60.000 | 2.443.728 | 2.443.728 | | | 2.443.728 | | 4.599.070 | | 7.261.516 |
| 35 | 74 | 60.000 | 2.552.581 | 2.552.581 | | | 2.552.581 | | 4.890.771 | | 7.832.748 |
| 36 | 75 | 60.000 | 2.663.611 | 2.663.611 | | | 2.663.611 | | 5.197.056 | | 8.443.966 |
| 37 | 76 | 60.000 | 2.776.862 | 2.776.862 | | | 2.776.862 | | 5.518.656 | | 9.097.969 |
| 38 | 77 | 60.000 | 2.892.378 | 2.892.378 | | | 2.892.378 | | 5.856.336 | | 9.797.753 |
| 39 | 78 | 60.000 | 3.010.205 | 3.010.205 | | | 3.010.205 | | 6.210.900 | | 10.546.521 |
| 40 | 79 | 60.000 | 3.130.388 | 3.130.388 | | | 3.130.388 | | 6.583.191 | | 11.347.703 |

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 14 | 20

Dãy số kiểm tra

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI UUV VIỆT QUYỀN LỢI

| Năm HĐ | Tuổi NDBH | Phí bảo hiểm dự tính | Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo | | | Quyền lợi đầu tư đảm bảo | | Quyền lợi đầu tư không đảm bảo | | | |
|-----------|--------------|----------------------------|---|---|---|----------------------------------|----------------------------|-----------------------------------|----------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| | | | TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong | Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi | Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi | GTTK tại mức lãi suất cam kết | | GTTK tại mức lãi suất 5%/năm | | GTTK tại mức lãi suất 7%/năm | |
| | | | | | | Thưởng duy trì hợp đồng | GTTK tại cuối năm HĐ | Thưởng duy trì hợp đồng | GTTK tại cuối năm HĐ | Thưởng duy trì hợp đồng | GTTK tại cuối năm HĐ |
| 41 | 80 | 60.000 | 3.252.974 | 3.252.974 | | | 3.252.974 | | 6.974.098 | | 12.204.968 |
| 42 | 81 | 60.000 | 3.378.012 | 3.378.012 | | | 3.378.012 | | 7.384.550 | | 13.122.242 |
| 43 | 82 | 60.000 | 3.505.551 | 3.505.551 | | | 3.505.551 | | 7.815.524 | | 14.103.725 |
| 44 | 83 | 60.000 | 3.635.641 | 3.635.641 | | | 3.635.641 | | 8.268.047 | | 15.153.911 |
| 45 | 84 | 60.000 | 3.768.333 | 3.768.333 | | | 3.768.333 | | 8.743.197 | | 16.277.610 |
| 46 | 85 | 60.000 | 3.903.678 | 3.903.678 | | | 3.903.678 | | 9.242.103 | | 17.479.969 |
| 47 | 86 | 60.000 | 4.041.730 | 4.041.730 | | | 4.041.730 | | 9.765.955 | | 18.766.493 |
| 48 | 87 | 60.000 | 4.182.544 | 4.182.544 | | | 4.182.544 | | 10.316.000 | | 20.143.073 |
| 49 | 88 | 60.000 | 4.326.173 | 4.326.173 | | | 4.326.173 | | 10.893.547 | | 21.616.014 |
| 50 | 89 | 60.000 | 4.472.676 | 4.472.676 | | | 4.472.676 | | 11.499.971 | | 23.192.060 |
| 51 | 90 | 60.000 | 4.622.108 | 4.622.108 | | | 4.622.108 | | 12.136.717 | | 24.878.430 |
| 52 | 91 | 60.000 | 4.774.529 | 4.774.529 | | | 4.774.529 | | 12.805.300 | | 26.682.846 |
| 53 | 92 | 60.000 | 4.929.998 | 4.929.998 | | | 4.929.998 | | 13.507.312 | | 28.613.571 |
| 54 | 93 | 60.000 | 5.088.577 | 5.088.577 | | | 5.088.577 | | 14.244.424 | | 30.679.447 |
| 55 | 94 | 60.000 | 5.250.327 | 5.250.327 | | | 5.250.327 | | 15.018.392 | | 32.889.934 |
| 56 | 95 | 60.000 | 5.415.312 | 5.415.312 | | | 5.415.312 | | 15.831.059 | | 35.255.155 |
| 57 | 96 | 60.000 | 5.583.597 | 5.583.597 | | | 5.583.597 | | 16.684.359 | | 37.785.942 |
| 58 | 97 | 60.000 | 5.755.248 | 5.755.248 | | | 5.755.248 | | 17.580.324 | | 40.493.883 |
| 59 | 98 | 60.000 | 5.930.332 | 5.930.332 | | | 5.930.332 | | 18.521.087 | | 43.391.381 |
| 60 | 99 | 60.000 | 6.108.917 | 6.108.917 | | | 6.108.917 | | 19.508.888 | | 46.491.703 |

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 15 | 20

Dãy số kiểm tra

Lưu ý:

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI UVI VIỆT QUYỀN LỢI

1. Trong mọi trường hợp, khách hàng chỉ nhận được một trong hai quyền lợi tử vong. Không do tai nạn hoặc do tai nạn. Quyền lợi tử vong do Tai nạn chỉ được chi trả khi NDBH tử vong do Tai nạn trong khoảng thời gian 24 giờ đầu tiên của năm bảo hiểm cơ bản đến hạn đã được đóng đầy đủ và đúng hạn.
2. Quyền lợi bảo hiểm Ung thư đã được chi trả (nếu có) sẽ được khấu trừ trước khi chi trả Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc TTTB&VV.
3. Giá trị tài khoản được thể hiện trong bảng là tổng Giá trị tài khoản tích lũy, Giá trị tài khoản cơ bản và Khoản thưởng duy trì hợp đồng được tính tại cuối mỗi năm hợp đồng. Giá trị tài khoản được minh họa dựa trên phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn.
4. (*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0
5. Mức lãi suất minh họa thể hiện ở bảng trên là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính minh họa. Mức lãi suất thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và được công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 16 | 20

Dãy số kiểm tra

TRANG THÔNG TIN THAM KHẢO
BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT QUYỀN LỢI

Đơn vị: ngàn đồng

| Năm HĐ | Tuổi NDBH | Phí bảo hiểm dự tính | Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong | Quyền lợi đầu tư QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN | | | Quyền lợi đầu tư không đảm bảo | | | | | | | |
|-----------|--------------|----------------------------|--|---|----------------------------|-------------------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------|----------------------------------|---------------------------------|-------------------|-----------|--|
| | | | | GTTK tại mức lãi suất cam kết | | | GTTK tại mức lãi suất 5%/năm | | | | GTTK tại mức lãi suất 7%/năm | | | |
| | | | | Thưởng duy trì hợp đồng | GTTK tại cuối năm HĐ | Khoản tiền rút | Thưởng duy trì hợp đồng | GTTK tại cuối năm HĐ | Khoản tiền rút | Thưởng duy trì hợp đồng | GTTK tại cuối năm HĐ | Khoản tiền rút | | |
| 1 | 40 | 48.000 | 1.440.000 | | | | 1.440.000 | | | | 1.440.000 | | | |
| 2 | 41 | 48.000 | 1.440.000 | | 4.324 | | 1.440.000 | | 4.324 | | 1.440.000 | | 4.499 | |
| 3 | 42 | 48.000 | 1.440.000 | | 33.960 | | 1.440.000 | | 34.135 | | 1.440.000 | | 35.024 | |
| 4 | 43 | 48.000 | 1.440.000 | | 69.757 | | 1.440.000 | | 70.289 | | 1.440.000 | | 72.636 | |
| 5 | 44 | 48.000 | 1.440.000 | | 115.639 | | 1.440.000 | | 117.340 | | 1.440.000 | | 122.155 | |
| 6 | 45 | 48.000 | 1.440.000 | | 162.380 | | 1.440.000 | | 166.575 | | 1.440.000 | | 174.985 | |
| 7 | 46 | 48.000 | 1.440.000 | | 209.531 | | 1.440.000 | | 218.092 | | 1.440.000 | | 231.354 | |
| 8 | 47 | 48.000 | 1.440.000 | | 256.415 | | 1.440.000 | | 271.799 | | 1.440.000 | | 291.316 | |
| 9 | 48 | 48.000 | 1.440.000 | | 302.606 | | 1.440.000 | | 327.877 | | 1.440.000 | | 355.210 | |
| 10 | 49 | 48.000 | 1.440.000 | 60.811 | 410.271 | | 1.440.000 | 104.453 | 491.030 | | 1.440.000 | 152.435 | 575.897 | |
| 11 | 50 | 48.000 | 1.440.000 | | 459.025 | | 1.440.000 | | 558.106 | | 1.440.000 | | 660.319 | |
| 12 | 51 | 48.000 | 1.440.000 | | 508.406 | | 1.440.000 | | 628.415 | | 1.440.000 | | 750.760 | |
| 13 | 52 | 48.000 | 1.440.000 | | 558.096 | | 1.440.000 | | 701.900 | | 1.440.000 | | 847.539 | |
| 14 | 53 | 48.000 | 1.440.000 | | 608.370 | | 1.440.000 | | 779.054 | | 1.440.000 | | 951.503 | |
| 15 | 54 | 48.000 | 1.440.000 | 6.081 | 665.450 | | 1.440.000 | 10.445 | 870.727 | | 1.440.000 | 15.243 | 1.078.714 | |
| 16 | 55 | 48.000 | 1.440.000 | | 716.959 | | 1.440.000 | | 956.728 | | 1.440.000 | | 1.200.640 | |
| 17 | 56 | 48.000 | 1.440.000 | | 769.398 | | 1.440.000 | | 1.047.731 | | 1.440.000 | | 1.332.653 | |
| 18 | 57 | 48.000 | 1.440.000 | | 822.639 | | 1.440.000 | | 1.144.131 | | 1.475.846 | | 1.475.846 | |
| 19 | 58 | 48.000 | 1.440.000 | | 877.056 | | 1.440.000 | | 1.246.679 | | 1.629.434 | | 1.629.434 | |
| 20 | 59 | 48.000 | 1.440.000 | 6.081 | 939.202 | | 1.440.000 | 10.445 | 1.366.589 | | 1.809.016 | 15.243 | 1.809.016 | |

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 17 | 20

Dãy số kiểm tra

TRANG THÔNG TIN THAM KHẢO

Đơn vị: ngàn đồng

BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT QUYỀN LỢI

| Năm HĐ | Tuổi NDBH | Phí bảo hiểm dự tính | Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo | QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN | | | | | | | | | | |
|--|----------------------------------|----------------------------|----------------------------------|--|----------------------------------|----------------------------|---------------------------------|--|----------------------------------|----------------------------|---------------------------------|--|-----------|---------|
| | | | | Quyền lợi đầu tư không đảm bảo | | | CHƯƠNG TRÌNH HUỖ TRÍ | | | | Quyền lợi đầu tư không đảm bảo | | | |
| | | | | GTTK tại mức lãi suất cam kết | | | GTTK tại mức lãi suất 5%/năm | | | | GTTK tại mức lãi suất 7%/năm | | | |
| TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi từ vong | Thưởng duy trì hợp đồng | GTTK tại cuối năm HĐ | Khoản tiền rút | TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi từ vong | Thưởng duy trì hợp đồng | GTTK tại cuối năm HĐ | Khoản tiền rút | TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi từ vong | Thưởng duy trì hợp đồng | GTTK tại cuối năm HĐ | Khoản tiền rút | | | |
| 21 | 60 | | 1.364.864 | | 871.079 | 75.136 | 1.330.673 | | 1.318.886 | 109.327 | 1.780.484 | | 1.780.484 | 144.721 |
| 22 | 61 | | 1.289.728 | | 801.112 | 75.136 | 1.269.690 | | 1.269.690 | 109.327 | 1.749.955 | | 1.749.955 | 144.721 |
| 23 | 62 | | 1.214.591 | | 729.136 | 75.136 | 1.218.073 | | 1.218.073 | 109.327 | 1.717.289 | | 1.717.289 | 144.721 |
| 24 | 63 | | 1.139.455 | | 654.579 | 75.136 | 1.163.875 | | 1.163.875 | 109.327 | 1.682.336 | | 1.682.336 | 144.721 |
| 25 | 64 | | 1.064.319 | | 577.311 | 75.136 | 1.106.967 | | 1.106.967 | 109.327 | 1.644.937 | | 1.644.937 | 144.721 |
| 26 | 65 | | 989.183 | | 496.645 | 75.136 | 1.047.214 | | 1.047.214 | 109.327 | 1.604.919 | | 1.604.919 | 144.721 |
| 27 | 66 | | 914.047 | | 412.461 | 75.136 | 984.473 | | 984.473 | 109.327 | 1.562.100 | | 1.562.100 | 144.721 |
| 28 | 67 | | 838.910 | | 325.719 | 75.136 | 918.596 | | 918.596 | 109.327 | 1.516.284 | | 1.516.284 | 144.721 |
| 29 | 68 | | 763.774 | | 236.238 | 75.136 | 849.424 | | 849.424 | 109.327 | 1.467.261 | | 1.467.261 | 144.721 |
| 30 | 69 | | 688.638 | | 141.923 | 75.136 | 776.793 | | 776.793 | 109.327 | 1.414.807 | | 1.414.807 | 144.721 |
| 31 | 70 | | 688.638 | | 119.598 | | 815.325 | | 815.325 | | 1.513.532 | | 1.513.532 | |
| 32 | 71 | | 688.638 | | 96.648 | | 855.783 | | 855.783 | | 1.619.168 | | 1.619.168 | |
| 33 | 72 | | 688.638 | | 70.034 | | 898.264 | | 898.264 | | 1.732.198 | | 1.732.198 | |
| 34 | 73 | | 688.638 | | 38.613 | | 942.869 | | 942.869 | | 1.853.141 | | 1.853.141 | |
| 35 | 74 | | 688.638 | | 1.487 | | 989.705 | | 989.705 | | 1.982.549 | | 1.982.549 | |
| 36 | 75 | | (*) | | (*) | | 1.038.882 | | 1.038.882 | | 2.121.017 | | 2.121.017 | |
| 37 | 76 | | | | | | 1.090.518 | | 1.090.518 | | 2.269.177 | | 2.269.177 | |
| 38 | 77 | | | | | | 1.144.736 | | 1.144.736 | | 2.427.708 | | 2.427.708 | |
| 39 | 78 | | | | | | 1.201.665 | | 1.201.665 | | 2.597.336 | | 2.597.336 | |
| 40 | 79 | | | | | | 1.261.440 | | 1.261.440 | | 2.778.838 | | 2.778.838 | |

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 18 | 20

Dãy số kiểm tra

TRANG THÔNG TIN THAM KHẢO

Đơn vị: ngàn đồng

BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT QUYỀN LỢI

| Năm HĐ | Tuổi NDBH | Phí bảo hiểm dự tính | Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo | QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN | | | | | | | | | | |
|--|----------------------------------|----------------------------|----------------------------------|--|----------------------------------|----------------------------|--------------------------------|--|----------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------|--|------------|
| | | | | Quyền lợi đầu tư CHƯƠNG TRÌNH HUỖ TRÍ | | | Quyền lợi đầu tư không đảm bảo | | | | GTTK tại mức lãi suất 7%/năm | | | |
| | | | | GTTK tại mức lãi suất cam kết | | | GTTK tại mức lãi suất 5%/năm | | | | GTTK tại mức lãi suất 7%/năm | | | |
| TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong | Thưởng duy trì hợp đồng | GTTK tại cuối năm HĐ | Khoản tiền rút | TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong | Thưởng duy trì hợp đồng | GTTK tại cuối năm HĐ | Khoản tiền rút | TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong | Thưởng duy trì hợp đồng | GTTK tại cuối năm HĐ | Khoản tiền rút | | | |
| 41 | 80 | | | | | | | 1.324.204 | | 1.324.204 | | 2.973.046 | | 2.973.046 |
| 42 | 81 | | | | | | | 1.390.106 | | 1.390.106 | | 3.180.847 | | 3.180.847 |
| 43 | 82 | | | | | | | 1.459.303 | | 1.459.303 | | 3.403.196 | | 3.403.196 |
| 44 | 83 | | | | | | | 1.531.960 | | 1.531.960 | | 3.641.108 | | 3.641.108 |
| 45 | 84 | | | | | | | 1.608.250 | | 1.608.250 | | 3.895.674 | | 3.895.674 |
| 46 | 85 | | | | | | | 1.688.355 | | 1.688.355 | | 4.168.060 | | 4.168.060 |
| 47 | 86 | | | | | | | 1.772.464 | | 1.772.464 | | 4.459.513 | | 4.459.513 |
| 48 | 87 | | | | | | | 1.860.779 | | 1.860.779 | | 4.771.368 | | 4.771.368 |
| 49 | 88 | | | | | | | 1.953.510 | | 1.953.510 | | 5.105.052 | | 5.105.052 |
| 50 | 89 | | | | | | | 2.050.878 | | 2.050.878 | | 5.462.095 | | 5.462.095 |
| 51 | 90 | | | | | | | 2.153.114 | | 2.153.114 | | 5.844.130 | | 5.844.130 |
| 52 | 91 | | | | | | | 2.260.461 | | 2.260.461 | | 6.252.908 | | 6.252.908 |
| 53 | 92 | | | | | | | 2.373.176 | | 2.373.176 | | 6.690.300 | | 6.690.300 |
| 54 | 93 | | | | | | | 2.491.527 | | 2.491.527 | | 7.158.310 | | 7.158.310 |
| 55 | 94 | | | | | | | 2.615.795 | | 2.615.795 | | 7.659.080 | | 7.659.080 |
| 56 | 95 | | | | | | | 2.746.277 | | 2.746.277 | | 8.194.905 | | 8.194.905 |
| 57 | 96 | | | | | | | 2.883.283 | | 2.883.283 | | 8.768.237 | | 8.768.237 |
| 58 | 97 | | | | | | | 3.027.139 | | 3.027.139 | | 9.381.702 | | 9.381.702 |
| 59 | 98 | | | | | | | 3.178.188 | | 3.178.188 | | 10.038.110 | | 10.038.110 |
| 60 | 99 | | | | | | | 3.336.789 | | 3.336.789 | | 10.740.467 | | 10.740.467 |

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 19 | 20

Dãy số kiểm tra

Lưu ý:

TRANG THÔNG TIN THAM KHẢO

BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT QUYỀN LỢI

**QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN
CHƯƠNG TRÌNH HỮU TRÌ**

1. Khách hàng có thể yêu cầu rút một phần giá trị tài khoản như được thể hiện tại cột “Khoản tiền rút” khi có nhu cầu cần tiền mặt để thực hiện cho kế hoạch hưu trí. Khi khách hàng thực hiện việc rút tiền thì giá trị tài khoản cũng như các quyền lợi của sản phẩm có thể sẽ được giảm tương ứng. Số tiền thể hiện ở cột “Khoản tiền rút” và kế hoạch rút tiền nói trên chỉ nhằm mục đích tham khảo. Tại mỗi thời điểm khách hàng cần rút một phần giá trị tài khoản, khách hàng cần gửi yêu cầu về việc rút tiền và gửi đến AIA Việt Nam.
2. Việc rút tiền và không duy trì việc đóng phí đầy đủ và đúng hạn có thể ảnh hưởng đến giá trị tài khoản và hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.
3. Giá trị tài khoản được thể hiện trong bảng là tổng Giá trị tài khoản tích lũy, Giá trị tài khoản cơ bản và Khoản thưởng duy trì hợp đồng được tính tại cuối mỗi năm hợp đồng. Giá trị tài khoản được minh họa dựa trên phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn.
4. (*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0
5. Mức lãi suất minh họa thể hiện ở bảng trên là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính minh họa. Mức lãi suất thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và được công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 20 | 20

Dãy số kiểm tra

XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Bằng việc ký tên vào Bảng minh họa này, tôi xác nhận đã được đại diện được ủy quyền của Công ty tiến hành phân tích nhu cầu, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên. Tôi theo đây xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm Bảo hiểm liên kết chung quyền lợi ưu việt - Quyền lợi bảo hiểm cơ bản cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia do nhận thấy Hợp đồng bảo hiểm này phù hợp với nhu cầu của tôi.

Tôi cũng hiểu rõ rằng:

1. Bảng minh họa này được thiết kế dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn. Chi phí bảo hiểm thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty và có thể làm thay đổi Giá trị tài khoản của Hợp đồng bảo hiểm;
2. Tùy theo kết quả đầu tư của quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy vào tài khoản của khách hàng có thể tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu, Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu 5%/năm trong 2 năm hợp đồng đầu tiên, 2 năm hợp đồng tiếp theo là 4.5%/năm; từ năm hợp đồng thứ 5 đến năm hợp đồng thứ 8 lần lượt là 4%/năm; 3.5%/năm; 3%/năm; 2.5%/năm và bằng 2%/năm từ năm hợp đồng thứ 9 trở đi. Công ty thực hiện chính sách đầu tư thận trọng, chủ yếu là đầu tư vào trái phiếu chính phủ để đảm bảo thực hiện được mức lãi suất cam kết tối thiểu này. Quyền lợi đầu tư phụ thuộc vào mức lãi suất, vì thế có thể tăng hoặc giảm tùy theo hiệu suất đầu tư của Công ty.
3. Tất cả các mức lãi suất thể hiện trong bảng minh họa là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính tham khảo.
4. Khi hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực do không đóng đủ phí bảo hiểm tối thiểu theo yêu cầu trong 4 năm đầu tiên, không có quyền lợi bảo hiểm nào được chi trả;
5. Phí của (các) sản phẩm bổ sung được minh họa trên đây có thể thay đổi tùy theo từng sản phẩm và độ tuổi bảo hiểm; và
6. Bảng minh họa này chỉ có giá trị khi có đầy đủ số trang và là một phần của Hợp đồng bảo hiểm. Các quyền lợi được minh họa tại Bảng minh họa Hợp đồng bảo hiểm chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố đầu tư. Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm sẽ được điều chỉnh theo điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm và phụ thuộc theo việc đóng phí bảo hiểm cũng như việc kê khai đầy đủ và chính xác các thông tin liên quan đến Người được bảo hiểm.

Bên mua bảo hiểm

Số CMND/Căn cước công dân/
Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp

Ký tên

Ngày/tháng/năm

Tôi, đại diện được ủy quyền của Công ty ký tên dưới đây cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm Bảo hiểm liên kết chung quyền lợi ưu việt - Quyền lợi bảo hiểm cơ bản và nội dung Bảng minh họa này.

Đại lý bảo hiểm/Chuyên viên tư vấn bảo hiểm

Văn phòng

Ký tên

Ngày/tháng/năm

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Đại lý bảo hiểm:

Trang 21 | 20

Mã số đại lý:

Dãy số kiểm tra

Ngày giờ lập: